TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ TỊNH BIÊN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2024/DS-ST
Ngày: 24-5-2024
"V/v tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản bằng tiền"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TỊNH BIÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: bà Võ Thị Ngọc Mỹ.

Các Hội thẩm nhân dân: bà Nguyễn Thị Mai; ông Phạm Thanh Hải.

Thư ký phiên tòa: bà Lê Thị Cẩm Tiên – Thư ký tòa án nhân dân thị xã Tịnh Biên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tịnh Biên tham gia phiên tòa: ông Đặng Phương Nam – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tịnh Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 139/2023/TLST-DS ngày 11 tháng 10 năm 2023 về việc "Tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2024/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Quỹ tín dụng nhân dân N, địa chỉ trụ sở: đường C, phường A, thị xã T, tỉnh An Giang;

Người đại diện theo pháp luật: ông Trần Thanh H, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị;

Người đại diện theo uỷ quyền: ông Đỗ Kiến P, chức vụ: Phó Giám đốc Quỹ tín dụng nhân dân N theo giấy uỷ quyền số 06/UQ-QTD ngày 10/8/2023 của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

- *Bị đơn:* bà Tạ Ngọc T, sinh năm 1970; ông Phạm Thanh D, sinh năm 1995; cùng cư trú: khóm P, phường A, thị xã T, tỉnh An Giang.

Tại phiên toà, đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn ông Đỗ Kiến P có mặt; bị đơn bà Tạ Ngọc T, ông Phạm Thanh D vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 10 tháng 8 năm 2023 và quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay đại diện Quỹ tín dụng nhân dân N ông Đỗ Kiến P trình bày*:

Ngày 31/3/2020, bà Tạ Ngọc T có ký kết hợp đồng tín dụng số 0371TBL20 tại Quỹ tín dụng nhân dân N, vay số tiền vốn là 8.500.000đ *(tám triệu năm trăm ngàn đồng)*, thời hạn vay 01 năm (kể từ ngày 31/3/2020 đến ngày 31/3/2021 hết hạn); lãi suất vay: 20,3%/năm; lãi suất quá hạn: bằng 150% lãi suất vay; phương thức trả nợ: trả lãi theo tháng; mục đích vay: tiêu dùng; hình thức vay: cho vay không có tài sản đảm bảo.

Từ khi vay, bà Tạ Ngọc T và Phạm Thanh D đã thanh toán được tổng số tiền là 8.097.700đ *(tám triệu, lẻ chín mươi bảy ngàn, bảy trăm đồng),* trong đó: Tiền vốn là 4.077.100 đồng, lãi là 4.020.600 đồng. Đến nay, bà T và ông D đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán hợp đồng tín dụng đã ký.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Quỹ tín dụng nhân dân N (gọi tắt Quỹ tín dụng) trình bày xin rút yêu cầu khởi kiện đối với ông Phạm Thanh D, chỉ yêu cầu khởi kiện đối với bị đơn bà Tạ Ngọc T có nghĩa vụ thanh toán tiền vốn là 4.422.900 đồng, số tiền lãi là 3.490.600 đồng, tổng cộng: 7.913.500 đồng (theo bảng kê lãi suất tính đến ngày 24/5/2024) và tiền lãi phát sinh sau khi xét xử.

** Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa hôm nay bị đơn ông Trần Duy T1 đều vắng mặt, không có ý kiến trình bày.* Tòa án đã tống đạt hợp lệ; niêm yết các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý, Thông báo về mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn vắng mặt, do đó Toà án không tiến hành được việc mở phiên họp kiểm tra tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định.

** Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa*:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Đối với người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tuy nhiên, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ nghĩa vụ về việc có mặt theo triệu tập của Tòa án quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về việc giải quyết vụ án:

+ Về hợp đồng tín dụng số 0371TBL20 ngày 31/3/2020 tại Quỹ tín dụng nhân dân N với bà Tạ Ngọc T trên cơ sở tự nguyện, tự thỏa thuận không trái pháp luật nên phát sinh quyền và nghĩa vụ các bên.

+ Trong quá trình vay vốn do bà T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên bà T có trách nhiệm trả nợ cho Quỹ tín dụng tổng số tiền tổng cộng là 7.913.500 đồng (trong đó vốn là 4.422.900 đồng, số tiền lãi là 3.490.600 đồng). Đồng thời tiếp tục tính tiền lãi phát sinh sau khi xét xử đến khi hoàn tất việc thanh toán.

+ Quá trình giải quyết vụ án bị đơn đã được Toà án triệu tập và tống đạt đầy đủ, hợp lệ nhưng đều vắng mặt, không có ý kiến đối với phần khởi kiện của nguyên đơn.

+ Việc nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện đối với ông Phạm Thanh D là thuộc phạm vi khởi kiện và phù hợp quy định pháp luật, do đó đình chỉ yêu cầu này.

Đề nghị Hội đồng xét xử: áp dụng các Điều 274, 275, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 và Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

** Về tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập được:* Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về thẩm quyền: Bị đơn bà Tạ Ngọc T, ông Phạm Thanh D có nơi cư trú tại khóm P, phường A, thị xã T, tỉnh An Giang. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tịnh Biên.

- Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Bị đơn bà Tạ Ngọc T, ông Phạm Thanh D được triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng vắng mặt; Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử.

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp: bà Tạ Ngọc T ký hợp đồng tín dụng số 0371TBL20 ngày 31/3/2020 với Quỹ tín dụng nhằm mục đích tiêu dùng. Theo quy định tại điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản bằng tiền.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét hợp đồng tín dụng số 0371TBL20 ngày 31/3/2020 được xác lập trên cơ sở tự nguyện và tự thoả thuận của các bên. Về nội dung và hình thức của hợp đồng đều tuân thủ đúng quy định pháp luật và phù hợp theo quy định Điều 13, 18 và Điều 23 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 *Quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng*, và lãi suất áp dụng phù hợp theo quy định tại Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng 2010, nên có cơ sở công nhận hợp đồng này là hợp pháp, từ đó phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên.

[2.2] Biện pháp bảo đảm hợp đồng tín dụng được các bên ký kết bằng hình thức tín chấp, không có tài sản để bảo đảm thực hiện giao dịch.

[2.3] Về nghĩa vụ trả nợ: Theo bảng kê tính lãi của Quỹ tín dụng tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 24/5/2024) bà Tạ Ngọc T còn nợ tổng cộng là 7.913.500 đồng (trong đó vốn là 4.422.900 đồng, số tiền lãi là 3.490.600 đồng).

Khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định về Nghĩa vụ trả nợ của bên vay: *"1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu*

tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thoả thuận khác".

Do bà T đã vi phạm thỏa thuận nên có nghĩa vụ trả cho Q tín dụng khoản nợ này và lãi suất phát sinh theo hợp đồng tín dụng sau khi xét xử đến khi thanh toán xong nợ gốc là phù hợp.

[2.4]. Về rút một phần yêu cầu khởi kiện: Tại phiên toà, đại diện nguyên đơn trình bày rút yêu cầu khởi kiện đối với ông Phạm Thanh D, việc nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện là thuộc phạm vi khởi kiện và phù hợp quy định pháp luật, do đó đình chỉ yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn.

[2.5] Theo ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn bà Tạ Ngọc T; đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn ông Phạm Thanh D.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn không phải chịu án phí. Bị đơn phải chịu án phí theo giá ngạch.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Điều 274, 275, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Điều 147, 271, 273 và Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Quỹ tín dụng nhân dân Nhà Bàng đối với bị đơn bà Tạ Ngọc T.

Buộc bà Tạ Ngọc T có trách nhiệm trả cho Q tín dụng nhân dân Nhà Bàng tổng số tiền vốn, lãi là 7.913.500 đồng (trong đó vốn là 4.422.900 đồng, số tiền lãi là 3.490.600 đồng) và tiền lãi phát sinh sau khi xét xử đến khi hoàn tất việc thanh toán.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Quỹ tín dụng nhân dân Nhà Bàng đối với bị đơn ông Phạm Thanh D.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Tạ Ngọc T phải chịu 396.000đ *(ba trăm, chín mươi sáu ngàn đồng)* tiền án phí.

Quỹ tín dụng nhân dân Nhà Bàng được hoàn lại tiền tạm ứng án phí 300.000đ *(ba trăm ngàn đồng)* đã nộp theo biên lai thu số TU/2022/0009395 ngày 11 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tịnh Biên.

4. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh của Ngân hàng cho vay.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung một số điều; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh (1);
- VKSND tx.TB (1);
- Chi cục THADS tx. TB (1);
- Đương sự (3);
- Lưu HS & VP;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Ngọc Mỹ